

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dư Ngọc K, sinh năm 1990.

Thường trú: 180/60/50 ấp 4, xã B, huyện H, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Trúc N, sinh năm 1991.

Thường trú: 35/4 ấp 4, xã B, huyện H, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dư Ngọc K trình bày:

Ông K và bà N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 31/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố H.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại 35/4 ấp 4, xã B, huyện H cho đến khi sống ly thân. Mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh khoảng 01 năm sau ngày cưới và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nhau

về tính cách, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Từ khoảng tháng 10/2018 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù ông đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng lại ngày càng trầm trọng.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân ông không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà N. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Huỳnh Thị Trúc N.

Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên N, sinh ngày 30/12/2017. Hiện nay, con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K yêu cầu giao cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại bản tự khai đề ngày 08/4/2019, biên bản hòa giải ngày 08/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị Trúc N trình bày:

Bà N và ông K tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 31/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố H.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại 35/4 ấp 4, xã B, huyện H cho đến nay. Từ đầu năm 2019, giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà hay áp đặt chồng, ít cho chồng ra ngoài giao lưu với bạn bè, đôi lúc bà có những lời nói xúc phạm đến chồng. Từ ngày có con chung, bà bị căng thẳng nên hay cáu gắt, ít quan tâm và chăm sóc cho chồng nên khiến chồng bị lạnh nhạt và áp lực.

Nhận thấy giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên bà N còn rất thương chồng và thương con. Vì vậy, bà có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình, bà không đồng ý ly hôn với ông Dư Ngọc K.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên N, sinh ngày 30/12/2017. Hiện nay, con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Dư Ngọc K khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Huỳnh Thị Trúc N, đây là tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà N hiện đang cư trú tại xã B, huyện Hóc Môn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông Dur Ngọc K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông K và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 31/10/2014 nên hôn nhân giữa ông Dur Ngọc K và bà Huỳnh Thị Trúc N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông K và bà N có mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng không tôn trọng nhau, thường gây gổ, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bản thân ông K không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng bà N, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống. Tuy nhiên, ông K vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N. Xét thấy, hôn nhân giữa ông K và bà N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dur Ngọc K là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông K và bà N có 01 con chung tên N, sinh ngày 30/12/2017. Ông K và bà N thừa nhận hiện nay con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và nếu ly hôn, yêu cầu giao cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[7] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn ông Dur Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Dur Ngọc K và bà Huỳnh Thị Trúc N.
2. Về con chung:

2.1. Giao con chung N, sinh ngày 30/12/2017 cho bà Huỳnh Thị Trúc N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Dư Ngọc K phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003552 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã B, huyện Hóc Môn
(Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 31/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thương

